

Bản án số: 102/2023/HS-ST
Ngày 10-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Diệu Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phú Minh Thông

2. Bà Lê Thị Kim Ngân

- Thư ký phiên tòa điểm cầu trung tâm: Ông Nguyễn Sơn Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thư ký phiên tòa điểm cầu thành phần: Bà Bé Thị Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa tại điểm cầu trung tâm: Ông Nguyễn Nhật Tân - Kiểm sát viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại phòng xử trực tuyến Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 95/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 677/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Văn L, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1994, giới tính: Nam, Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký HKTT: Không có; Chỗ ở hiện nay: Không có nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Không; Cha: Nguyễn Văn L1 Sinh năm: 1966; Mẹ: Trần Thị Mỹ H Sinh năm: 1974; Vợ, con: Không (*Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần – Nhà tạm giữ Công an Q1*)

Tiền án, Tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 17/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng (Quyết định số 620/QĐ-TA). Đến ngày 17/11/2017, chấp hành xong quyết định về địa phương (đã xóa án tích)

- Ngày 06/8/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng (Quyết định số 69/2018/QĐ-TA). Đến ngày 26/12/2019, chấp hành xong quyết định về địa phương (đã xóa án tích)

Bị bắt, tạm giam ngày 30 tháng 12 năm 2022 cho đến nay.

Bị hại:

- Bà Phạm Thị Kim T1, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C B, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Huỳnh Quốc T2, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C Đ, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lưu Kim Q, sinh năm 1988. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số I C, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số D T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Mai Thị Kim H1, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

- Bà Huỳnh Thị Thanh T3, sinh năm 1995. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C Đ, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, Trần Văn L nảy sinh ý định tìm người có tài sản sơ hở để chiếm đoạt, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 08 giờ 15 phút ngày 22/12/2022, Trần Văn L đi bộ một mình trên lề đường bên phải đường V (hướng từ đường Đ về đường H), khi đến cửa hàng B (địa chỉ: A V, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh), thì thấy chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Luvias màu xanh, biển số 86B1 – 205.37, của

bà Phạm Thị Kim T1 đang đỗ ở trước cửa (đầu xe quay vào phía trong, đuôi xe quay về phía ngoài), không có người trông coi và không khóa cổ xe, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. L đi đến tiếp cận, cầm hai tay vào tay lái xe rồi lùi xe lại, dắt bộ xe đi trên lề đường Võ Thị S hướng về đường H. Khi đến giao lộ H – Võ Thị S, L rẽ phải vào đường H rồi tiếp tục dắt xe đi qua nhiều tuyến đường. L đến một tiệm sửa khóa ở ven đường (không rõ địa chỉ, tên đường), làm chìa khóa mới và điều khiển chiếc xe mô tô bỏ đi. Một lúc sau, L đi trên đường H, Quận E thì nhặt được biển số xe 93P1-660.40 nên đã vứt bỏ biển số xe 86B1 – 205.37 và gắn biển số 93P1-660.40 vào xe để sử dụng, gỡ bỏ ốp nhựa xe phía trước để thay đổi đặc điểm nhận dạng xe. Sau khi phát hiện mất trộm xe mô tô nêu trên, bà T1 nghĩ không tìm được nên không đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 76/KL-HĐĐGTS ngày 28/03/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận A được biết 01 xe mô tô hiệu Yamaha Luvias, biển số 86B1 – 205.37 trị giá 13.333.000 đồng.

Vụ thứ hai: Tối ngày 25/12/2022, Trần Văn L điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Luvias màu xanh gắn biển số 93P1-660.40 đến trước số G N, phường B, Quận A đậu trên lề, khóa cổ rồi bỏ đi nhậu một mình và ngủ ngoài phố đi bộ N, phường B, Quận A. Khoảng 05 giờ 50 phút ngày 26/12/2022, L thức dậy và đi bộ đến trước nhà số C Hồ T, phường B, Quận A thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu Honda SH 150i, biển số 59B1 – 605.49 của ông Huỳnh Ngọc T4 (sử dụng ổ khóa Smartkey, đang dựng trên lề đường, không có người trông coi) nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. L đi đến bên cạnh xe mô tô trên, gạt chống lên, rồi dắt xe mô tô trên bỏ đi. Sau khi chiếm đoạt xe mô tô trên, L dắt bộ xe đến gặp ông Nguyễn Văn L1 (cha của L, đang làm nhân viên giữ xe tại Bệnh viện Đ) xin tiền làm chìa khóa xe rồi L tiếp tục dắt xe tới tiệm S2 đối diện 132B - A P, Phường A, Quận E, gặp ông Lưu Kim Q làm chìa khóa S1 mới với giá 550.000 đồng rồi điều khiển xe mô tô chạy đi.

Đến khoảng 09 giờ ngày 26/12/2022, ông Huỳnh Ngọc T4 phát hiện xe đã bị mất nên đến Công an phường B, Quận A trình báo sự việc.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 392/KL-HĐĐGTS ngày 29/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận A được biết 01 xe mô tô hiệu Honda SH 150i, màu trắng - bạc - đen, biển số 59B1 – 605.49 trị giá 92.500.000 đồng.

Qua điều tra truy xét, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã bắt giữ Trần Văn L cùng xe mô tô hiệu Honda SH 150i, biển số 59B1 – 605.49 để xử lý. Quá trình điều tra, Trần Văn L khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của L phù hợp với lời khai của Nguyễn Văn L1 và Lưu Kim Q; phù hợp với lời khai của người bị hại; biên bản khám xét; biên bản đối chất, nhận dạng và các tài liệu chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập được.

Đối với Nguyễn Văn L1 và Lưu Kim Q không biết số tài sản trên là do trộm cắp mà có. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an Q1 không xử lý hình sự là có căn cứ.

Vật chứng vụ án gồm có:

- 01 xe mô tô hiệu Honda SH 150i, màu trắng - bạc - đen, biển số 59B1 – 605.49 (đã thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu là ông Huỳnh Ngọc T4).

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Luvias màu xanh có số khung, số máy không đổi, không còn biển số. Qua xác minh, Trần Văn L khai vào ngày 22/12/2022 sau khi chiếm đoạt xe mô tô hiệu Yamaha Luvias màu xanh, biển số 86B1 – 205.37 của bà Phạm Thị Kim T1, L điều khiển xe đến đường H, Quận E thì nhặt được biển số xe 93P1-660.40 nên đã vứt bỏ biển số xe 86B1 – 205.37 rồi gắn biển số xe 93P1-660.40 vào để sử dụng.

Vào tối ngày 25/12/2022, L điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Luvias màu xanh gắn biển số 93P1-660.40 đến đậu trên lề trước số G N, phường B, Quận A, khóa cổ rồi bỏ lại đây đến khi bị bắt. Cơ quan CSĐT Công an Q1 đã thu hồi xe mô tô trên tại trước số G N, phường B, Quận A và trả lại cho chủ sở hữu là bà Phạm Thị Kim T1.

- 01 biển số 93P1-660.40 (là biển số xe L gắn vào xe mô tô hiệu Yamaha Luvias màu xanh, biển số 86B1 – 205.37 của bà Phạm Thị Kim T1). Qua xác minh là của xe mô tô hiệu LX MOTO 110E màu trắng đen do bà Mai Thị Kim H1 đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Bà H1 cho biết mua xe mô tô trên vào năm 2014 từ một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 2.500.000 đồng (có làm giấy tờ sang tên chủ sở hữu). Khoảng 04 tháng sau, bà H1 bán xe mô tô trên cho một tin người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 4.000.000 kèm giấy tờ đăng ký xe. Cơ quan CSĐT Công an Q1 đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu biển số trên nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả.

- 01 USB ghi nhận hình ảnh vụ việc (lưu trong hồ sơ)

- Thu giữ của Trần Văn L:

- 01 áo thun tay dài màu đỏ, 01 quần ngắn màu đen, (là trang phục L mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô hiệu Honda SH 150i, màu trắng - bạc - đen, biển số 59B1 – 605.49).

Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đang tạm giữ các vật chứng còn lại;

Về trách nhiệm dân sự: ông Huỳnh Ngọc T4, bà Phạm Thị Kim T1, không có yêu cầu gì.

Tại Cáo trạng số 106/CT ngày 14 tháng 6 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích hành vi phạm tội, tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả cho bị cáo

thực hiện hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, nêu ý kiến kết luận như sau:

- Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Văn L như nội dung cáo trạng. Việc xét hỏi tại phiên tòa đối với bị cáo đã đủ cơ sở xác định hành vi của bị cáo cấu thành tội “Trộm cắp tài sản theo ” theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015. Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s, h Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017, xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù. Vật chứng vụ án xử lý theo quy định pháp luật.

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng, không bào chữa, không tranh luận. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 08 giờ 15 phút ngày 22/12/2022 tại trước cửa hàng B, số A V, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và khoảng 05 giờ 50 phút ngày 26/12/2022 tại trước nhà số C Hồ T, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, Trần Văn L có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Yamaha Luvias, biển số 86B1 – 205.37 trị giá 13.333.000 đồng của bà Phạm Thị Kim T1 và 01 xe mô tô hiệu Honda SH 150i, màu trắng - bạc - đen, biển số 59B1 – 605.49 trị giá 92.500.000 đồng của ông Trần Văn L; Tổng tài sản chiếm đoạt được trị giá 105.833.000 đồng đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi của bị cáo Trần Văn L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an

ninh ở địa phương, bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu nên cần có mức hình phạt tương xứng mới có tác dụng giáo dục và răn đe, phòng ngừa tội phạm. Bị cáo Trần Văn L đã phạm tội 02 lần theo quy định điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s Khoản 1 Điều 51, để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Huỳnh Ngọc T4 và bà Phạm Thị Kim T1 không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 USB ghi nhận hình ảnh vụ việc là chứng cứ quan trọng nên tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.
- 01 áo thun tay ngắn màu đỏ (đã qua sử dụng), 01 quần ống ngắn màu đen (đã qua sử dụng) là trang phục L mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô hiệu Honda SH 150i, màu trắng - bạc - đen, biển số 59B1 – 605.49 không còn giá trị sử dụng nên tiêu hủy.
- 01 biển số 93P1-660.40 (là biển số xe L gắn vào xe mô tô hiệu Yamaha Luvias màu xanh, biển số 86B1 – 205.37 của bà Phạm Thị Kim T1). Qua xác minh là của xe mô tô hiệu LX MOTO 110E màu trắng đen do bà Mai Thị Kim H1 đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Bà H1 cho biết mua xe mô tô trên vào năm 2014 từ một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 2.500.000 đồng (có làm giấy tờ sang tên chủ sở hữu). Khoảng 04 tháng sau, bà H1 bán xe mô tô trên cho một tin người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 4.000.000 kèm giấy tờ đăng ký xe. Cơ quan CSĐT Công an Q1 đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu biển số trên nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả. Do đó, tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu trong hạn 01 năm đối với 01 biển số 93P1-660.40, hết thời hạn trên chủ sở hữu không liên hệ giải quyết thì tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c Khoản 2 Điều 173, điểm h, s Khoản 1 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015: Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn L 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2022.

2. Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

- Lưu trữ: 01 USB ghi nhận hình ảnh vụ việc, lưu kèm hồ sơ vụ án.
- Tịch thu tiêu hủy: 01 áo thun tay ngắn màu đỏ (đã qua sử dụng), 01 quần ống ngắn màu đen (đã qua sử dụng).
- Tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu trong hạn 01 (một) năm đối với 01 biển số 93P1-660.40, hết thời hạn trên chủ sở hữu không liên hệ giải quyết thì tịch thu tiêu hủy.

(Phiếu nhập kho vật chứng số 77/2023/PNK-THAHS ngày 14/6/2023 của Đ1, Công an Q1)

3. Căn cứ vào Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Công an TP.HCM (PC 53 - Đ3);
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Công an Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Thi hành án hình sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VP - hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Diệu Linh

